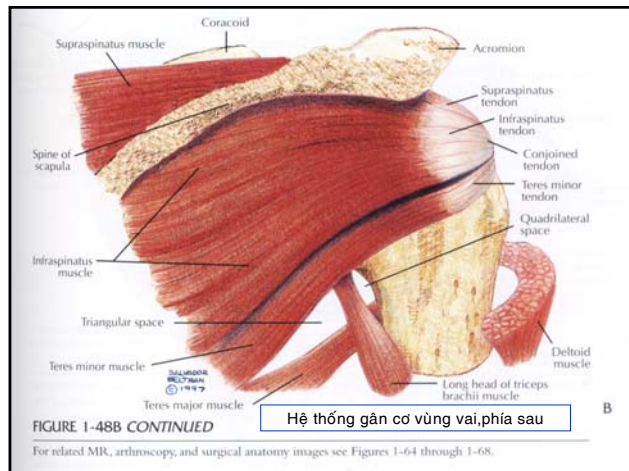
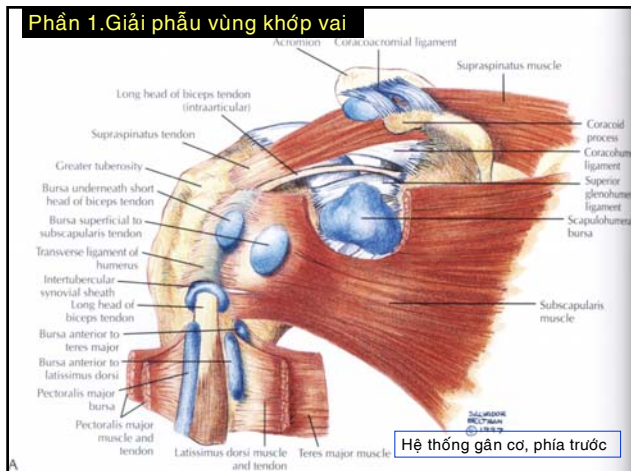


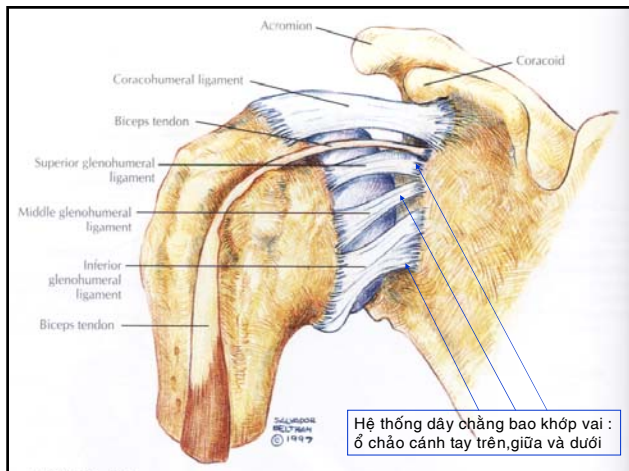
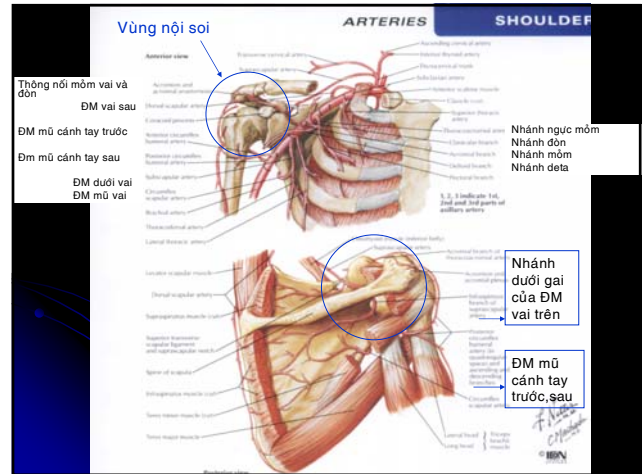
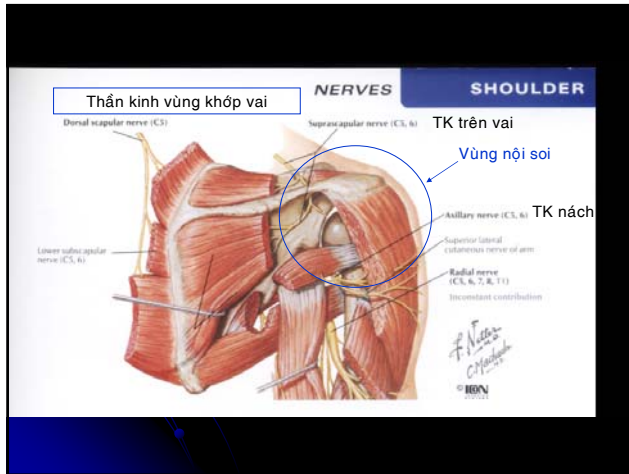
# NỘI SOI KHỚP VAI

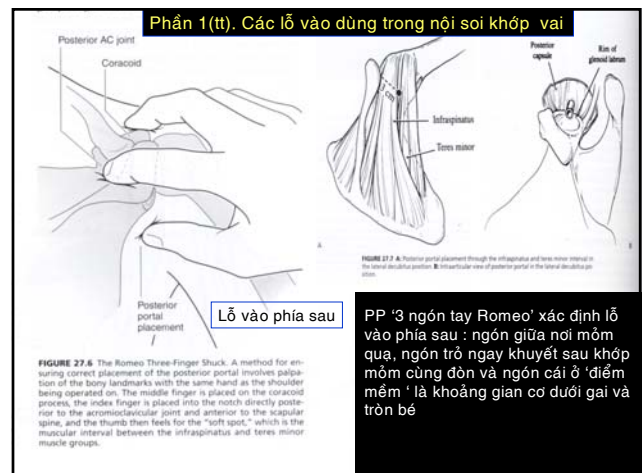
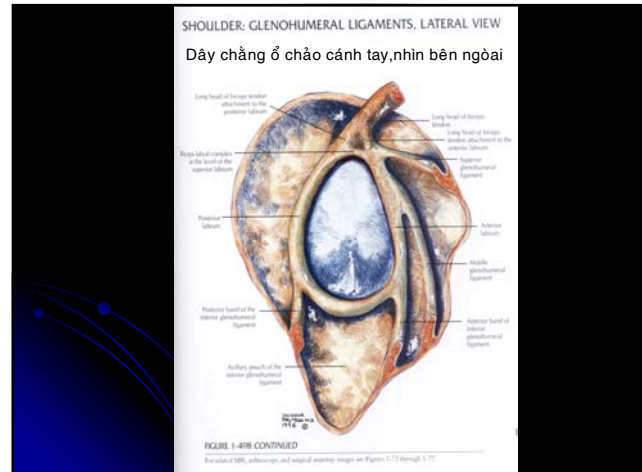
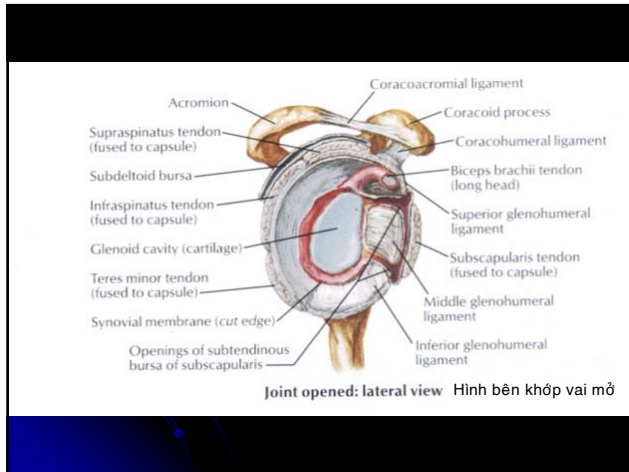
BS TĂNG HÀ NAM ANH  
BỘ MÔN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH  
ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HỒ CHÍ MINH

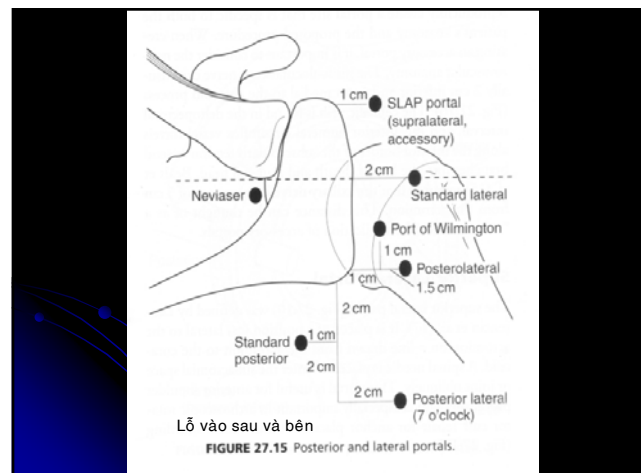
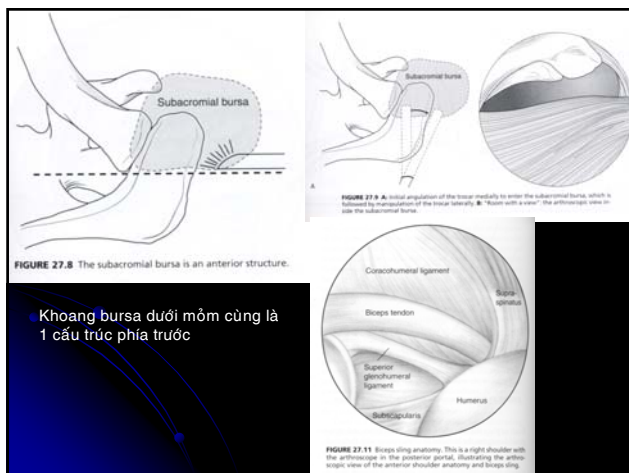
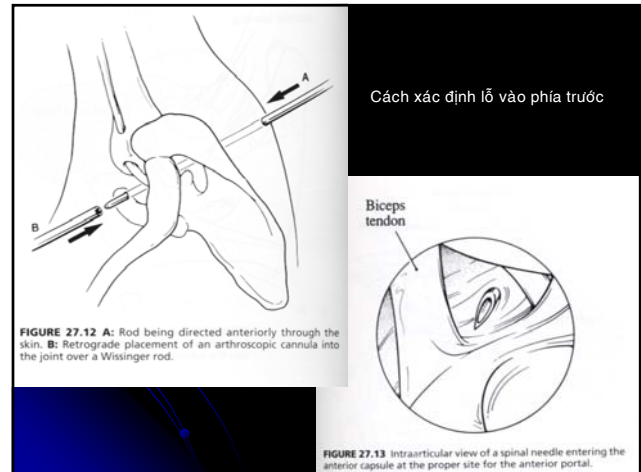
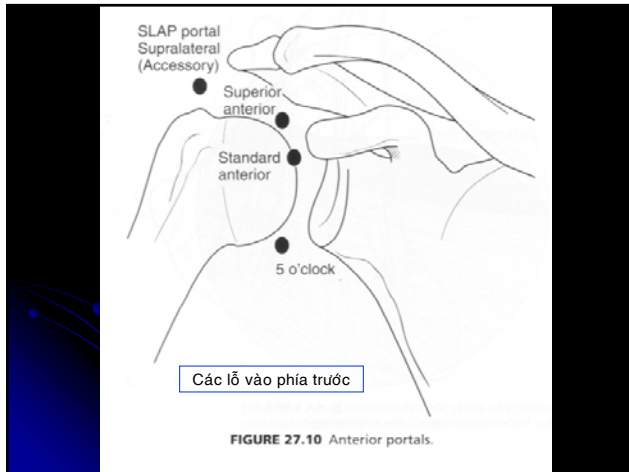
## CÁC MỐC GIẢI PHẪU

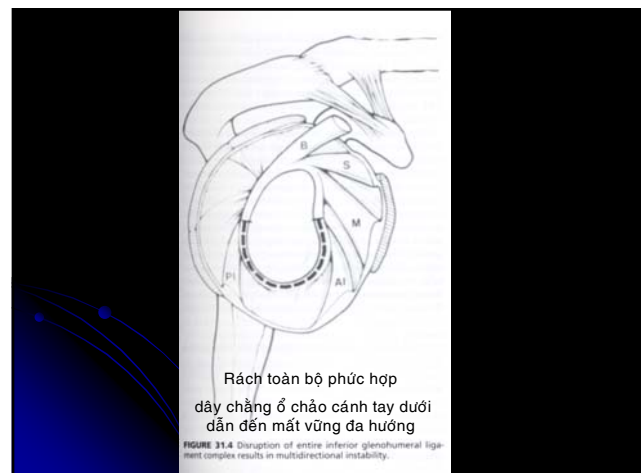
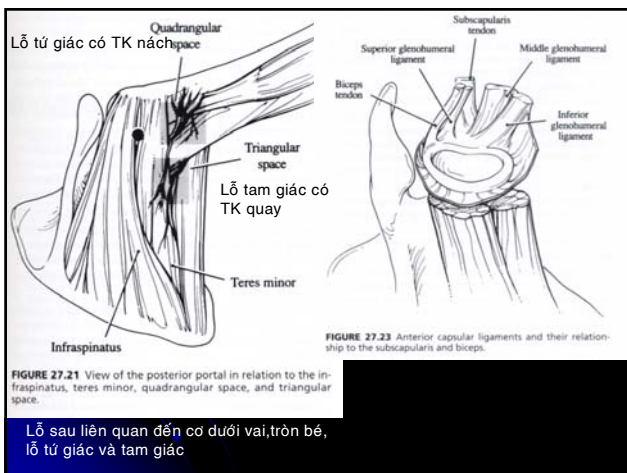
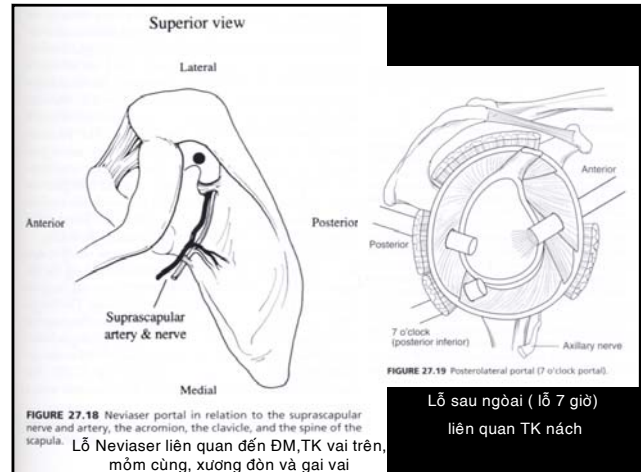
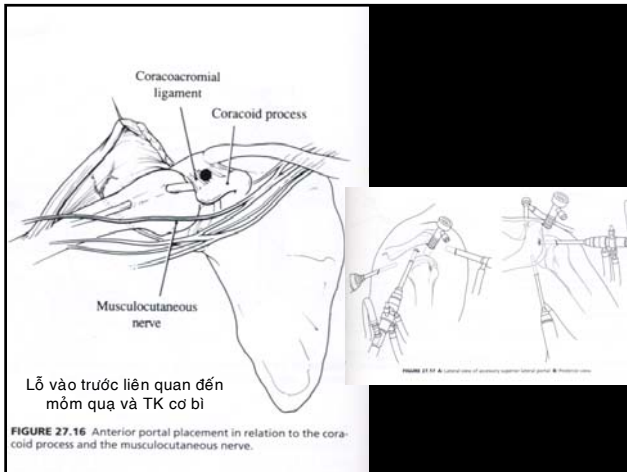
### Phần 1. Giải phẫu vùng khớp vai

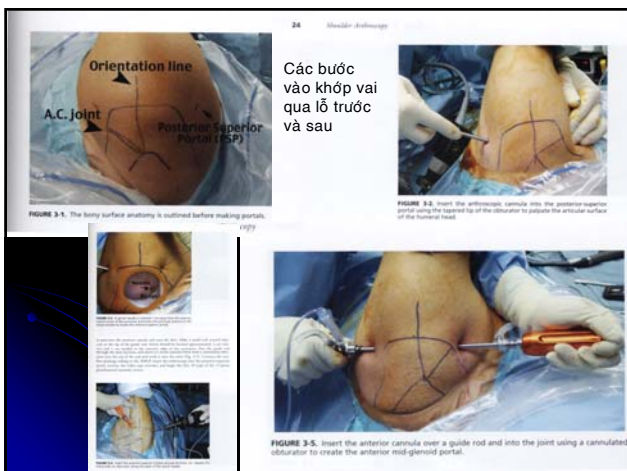
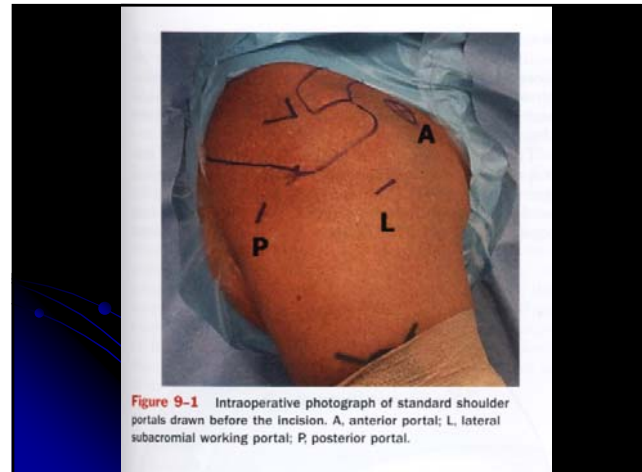
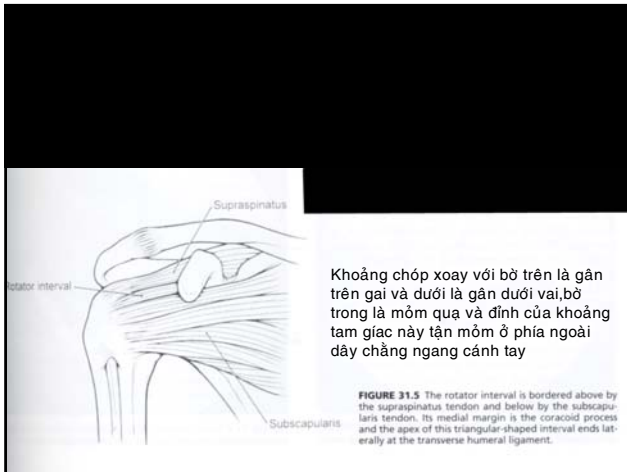




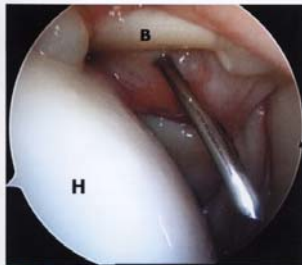






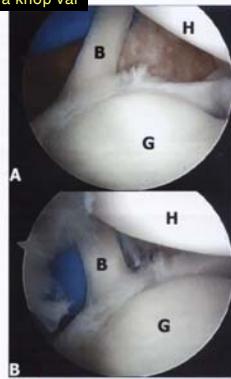


**Phần 1(tt). Hình ảnh nội soi bình thường của khớp vai**

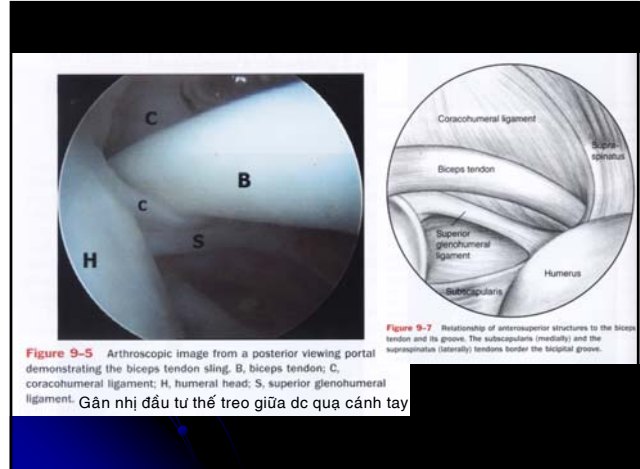


**Figure 9-2** Arthroscopic image from a posterior viewing portal. The spinal needle marks the position of the anterior rotator inter portal. B, biceps tendon; H, humeral head.

Qua nội soi nhìn từ lỗ vào sau: kim tủy sống đánh dấu vị trí của lỗ vào trước ở khoảng gian cơ chóp xoay. B. gân nhị đầu; H. chỏm cánh tay



**Figure 9-4** In abduction and external rotation, the superior labrum can rotate posterior and medially from the superior glenoid (peel-back phenomenon). A, Superior labrum with the arm in neutral position. B, Superior labrum with the arm in abduction and external rotation, demonstrating peel back. Note the change in the orientation of the biceps tendon (B). G, glenoid; H, humeral head.



**Figure 9-5** Arthroscopic image from a posterior viewing portal demonstrating the biceps tendon sling. B, biceps tendon; C, coracohumeral ligament; H, humeral head; S, superior glenohumeral ligament. Gân nhị đầu tư thế treo giữa dc qua cánh tay

**Figure 9-7** Relationship of anterosuperior structures to the biceps tendon and its groove. The subscapularis (medially) and the supraspinatus (laterally) tendons border the bicipital groove.

**15 điểm giải phẫu thăm khám trong soi khớp vai**

**Hình ảnh nhìn từ lỗ vào phía sau :**

1. Gân nhị đầu và sụn viền trên
2. Sụn viền sau và ngách bao khớp
3. Ngách nách dưới và nơi bám bao khớp dưới vào chỏm
4. Sụn viền dưới và bề mặt khớp ổ chảo
5. Gân trên gai của chóp xoay
6. Nơi bám của chóp xoay phía sau và vùng không sụn của chỏm
7. Bề mặt khớp của chỏm xương cánh tay
8. Sụn viền trên trước, dc ổ chảo cánh tay trên và giữa, và gân dưới vai
9. Sụn viền dưới trước
10. Dây chằng dưới trước

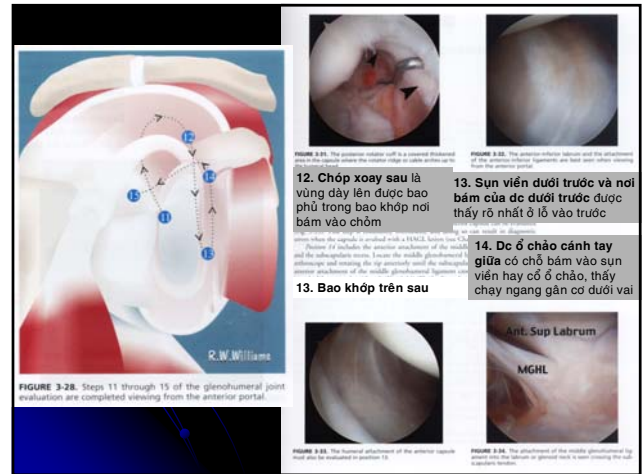
**15 điểm giải phẫu thăm khám trong soi khớp vai**

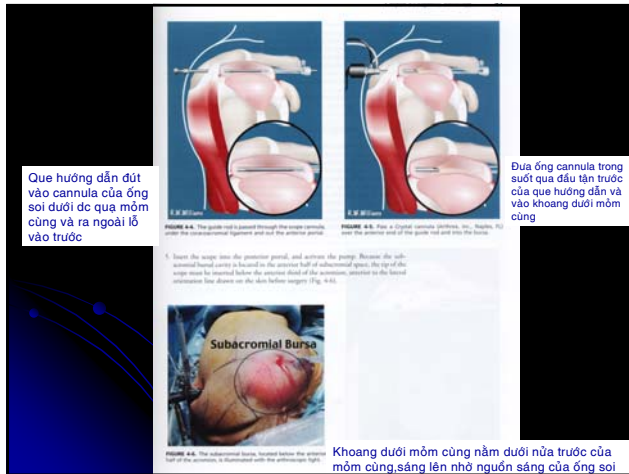
**Hình ảnh nhìn từ lỗ vào phía trước :**

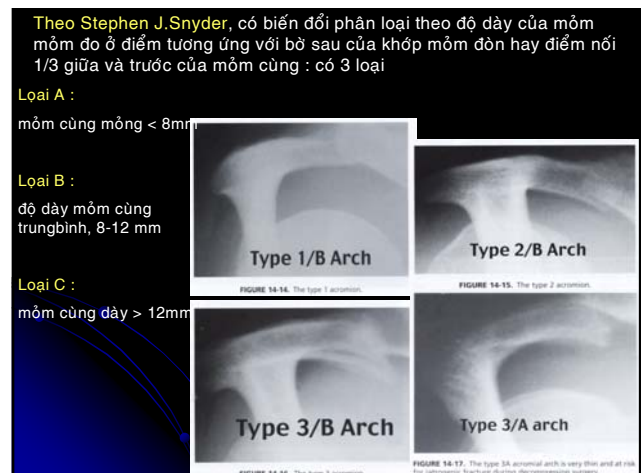
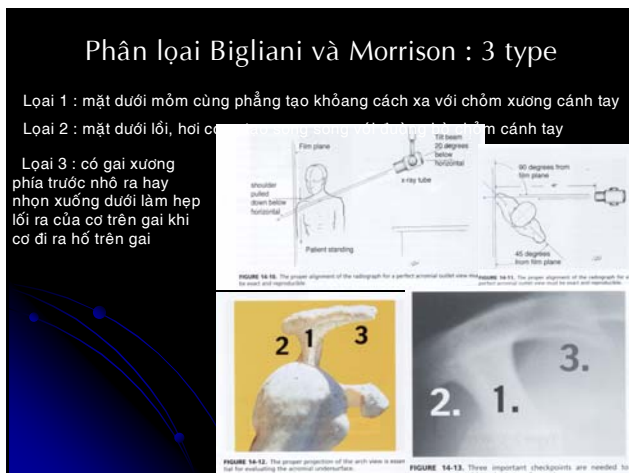
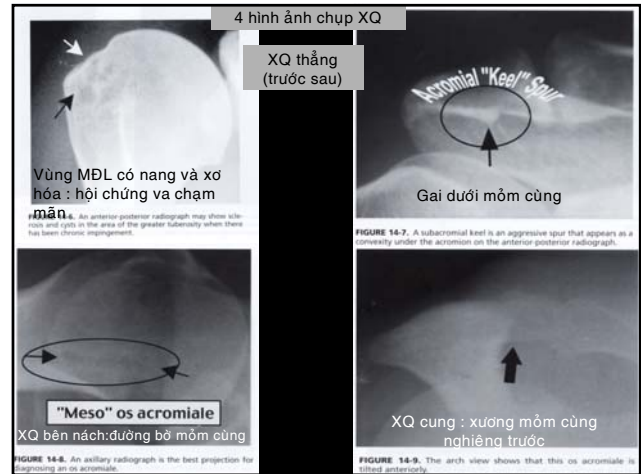
11. Sụn viền ổ chảo sau nơi bám bao khớp vào chỏm
12. Chóp xoay sau, gồm gân dưới gai và trên gai
13. Sụn viền ổ chảo trước và dc ổ chảo cánh tay dưới bám vào chỏm
14. Ngách và gân dưới vai và dc ổ chảo cánh tay dưới bám vào sụn viền
15. Bề mặt trước của chỏm với chỗ bám cơ dưới vai và gân nhị đầu đi xuyên qua khoảng giữa cơ chóp xoay











## Kết hợp 2 phân loại

